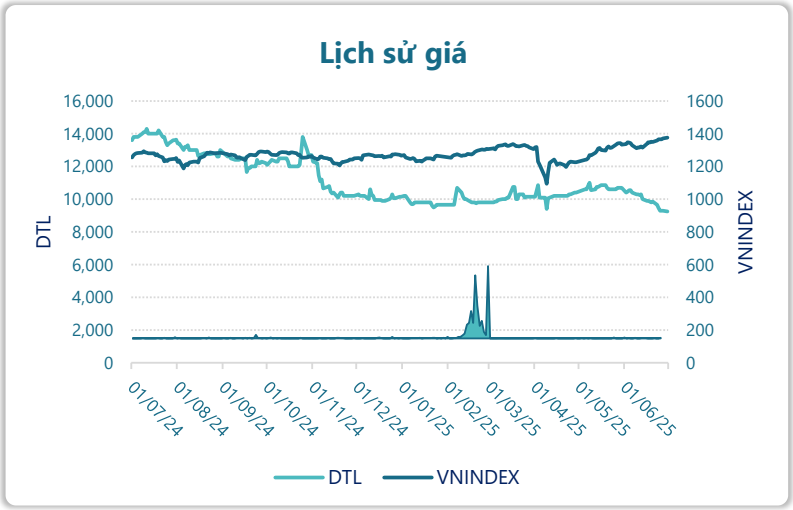
FireAnt

CTCP Đại Thiên Lộc (HSX: DTL)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**9,250**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,250
SL cổ phiếu LH	60,630,984
KLGD BQ 20 phiên (CP)	430
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	561
P/E	-8.4
EPS	-1,101

DT thuần

Q2/25

605

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 223| 58.4%

YoY: ▲ 198| 48.6%

LN sau thuế

Q2/25

-37.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼7.30| -24.0%

YoY: ▼67.2| -230%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

50.4%

+/- YoY: ▲ 38.7%

DT thuần

6T 2025

986

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 209| 26.9%

LN sau thuế

6T 2025

-68.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼72.9| -1653%

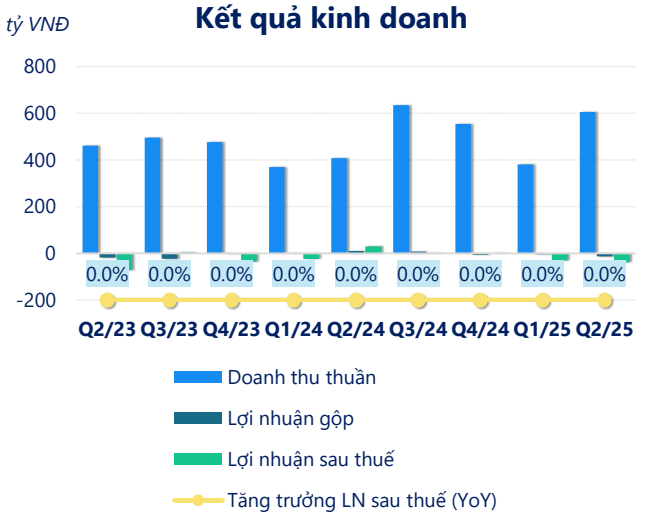
ROE

Q2/25

-9.2%

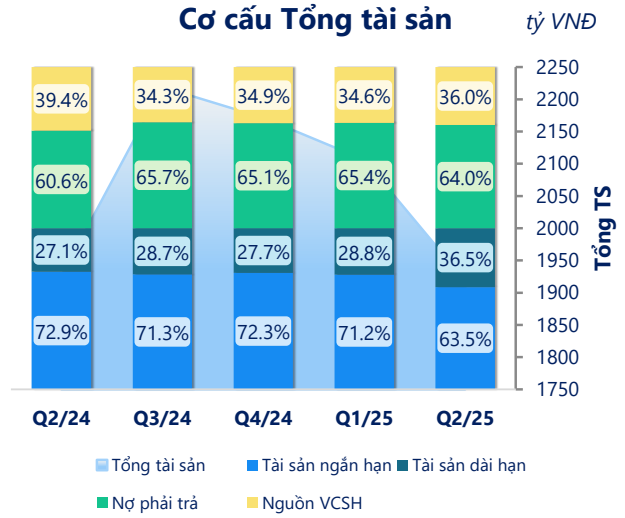
+/- YoY: ▼ 5.7%

Kết quả kinh doanh



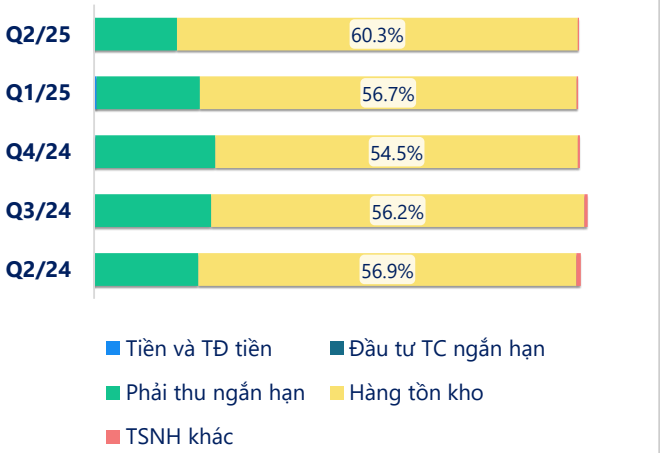
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



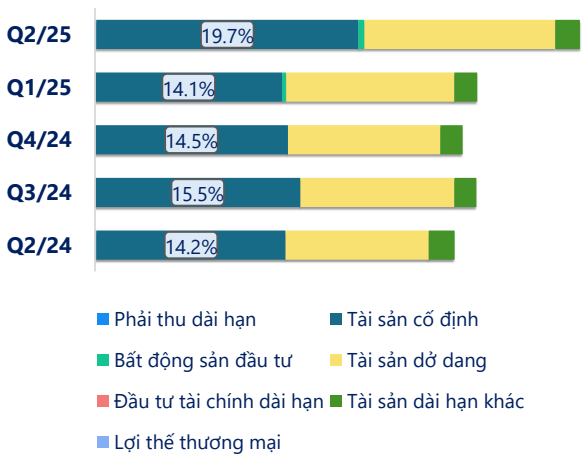
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



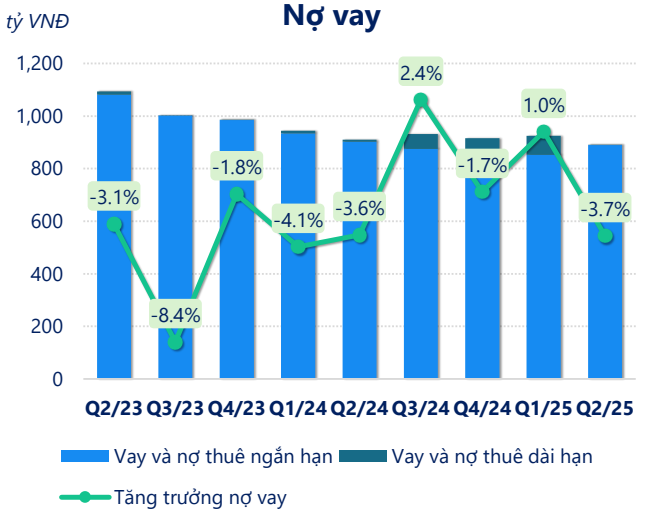
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



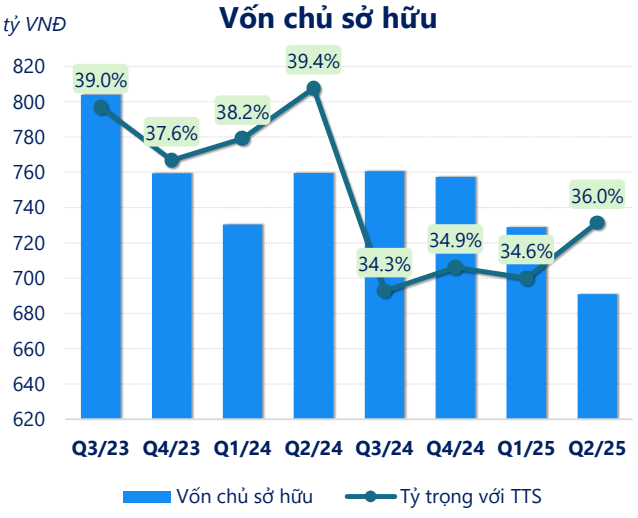
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



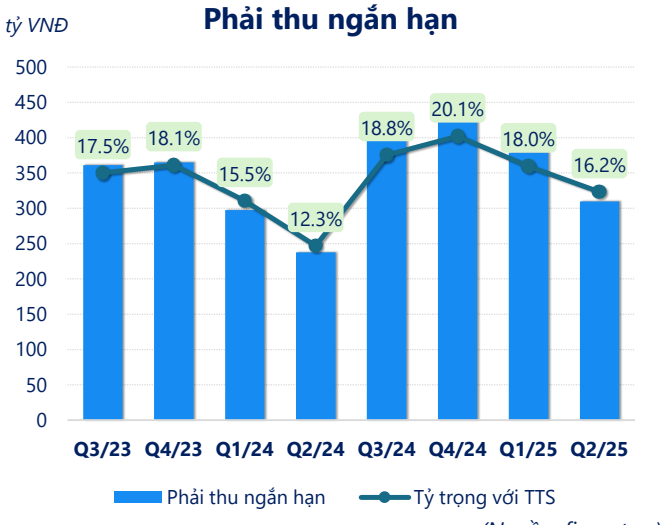
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



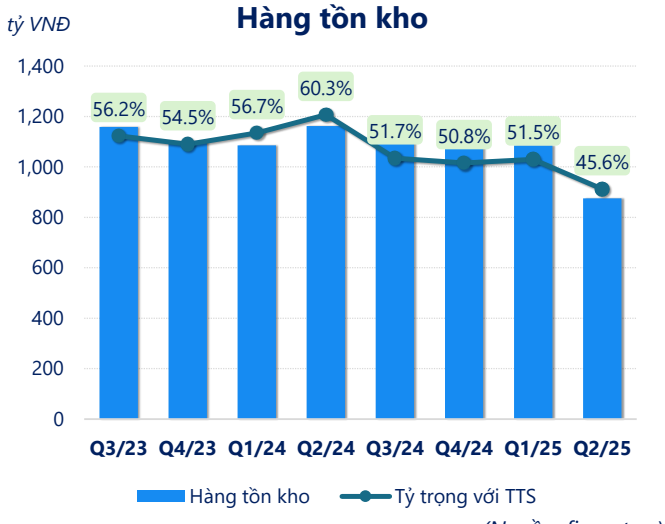
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



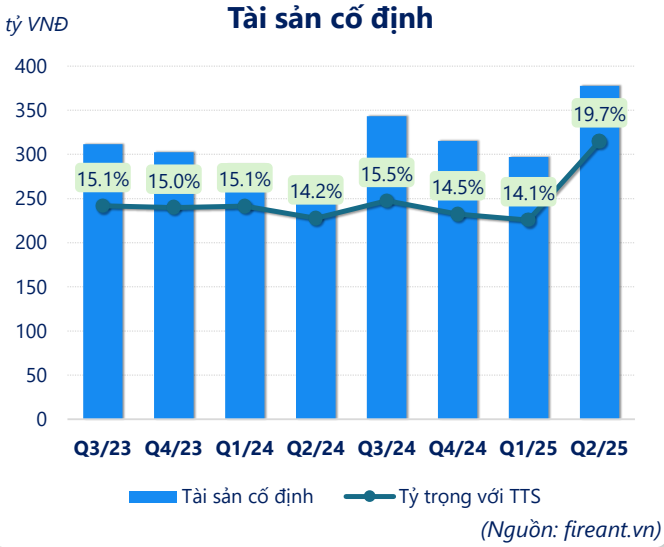
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



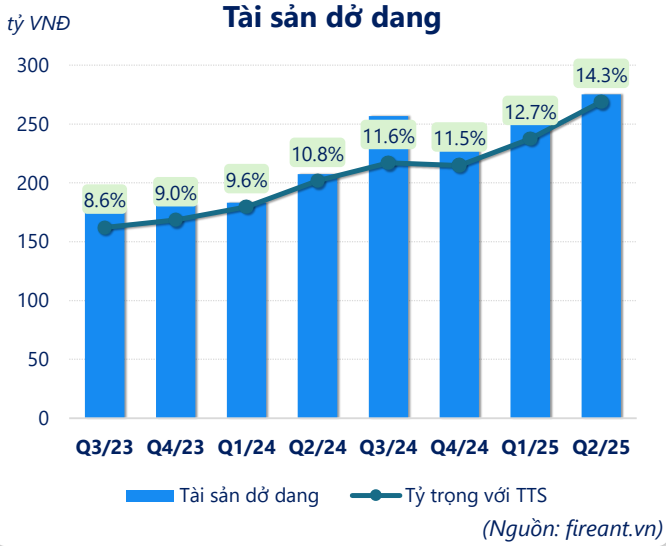
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



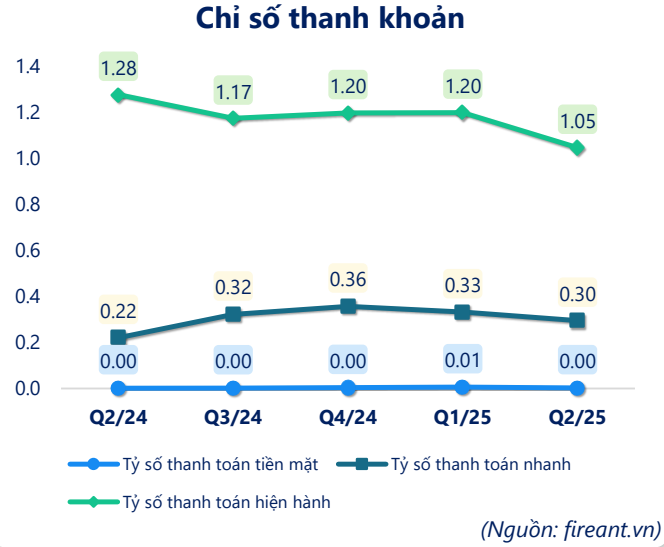
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



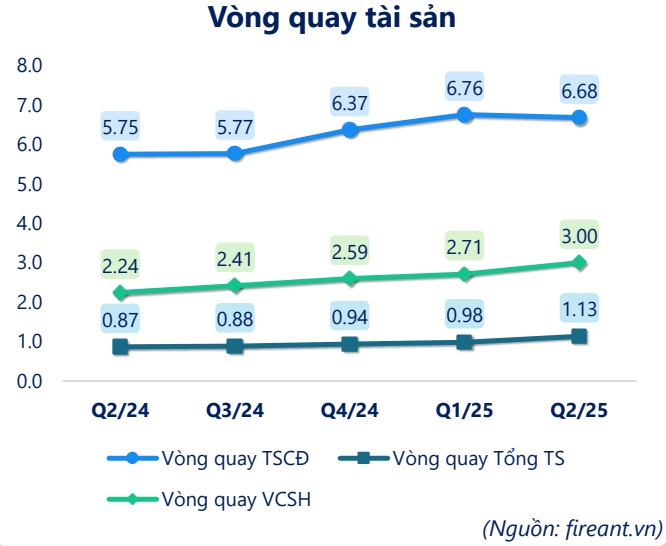
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,926**	**2,219**	**2,171**	**2,106**	**1,918**
Tài sản ngắn hạn	**1,405**	**1,582**	**1,571**	**1,501**	**1,219**
Tiền và tương đương tiền	1.89	2.23	4.26	7.67	2.32
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0	0	0	0.00
Phải thu ngắn hạn	238	417	436	379	310
Hàng tồn kho	1,162	1,148	1,103	1,085	875
Tài sản ngắn hạn khác	3.03	15.4	27.4	29.2	31.3
Tài sản dài hạn	**521**	**637**	**601**	**606**	**700**
Phải thu dài hạn	2.15	0	0	0	2.15
Tài sản cố định	274	343	315	297	378
Bất động sản đầu tư	0	0	0	5.92	9.17
Tài sản dở dang	207	257	249	267	275
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	37.5	36.7	36.4	36.1	35.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,166**	**1,459**	**1,414**	**1,377**	**1,227**
Nợ ngắn hạn	**1,100**	**1,348**	**1,311**	**1,251**	**1,164**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	903	875	868	852	889
Phải trả người bán ngắn hạn	149	390	333	295	136
Nợ dài hạn	66.5	111	103	127	63.7
Vay và nợ thuê dài hạn	6.91	56.2	47.6	72.0	1.38
Nguồn vốn chủ sở hữu	**760**	**761**	**757**	**729**	**691**
Vốn chủ sở hữu	**760**	**761**	**757**	**729**	**691**
Vốn điều lệ	614	614	614	614	614
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)